

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ - ST

Ngày 29/10/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Bà Bùi Thị Thúy

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 11
- Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 142/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 27/10/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh ngày 08/10/1975; Căn cước công dân số: 030075014593; cấp ngày 16/8/2021; Nơi cư trú: Thôn La Tĩnh B, xã Tứ K, thành phố Hải Phòng

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Minh Th, sinh ngày 22/10/1981; căn cước công dân số: 030181001354; cấp ngày 15/8/2022; Nơi ĐKKHKT: Thôn La Tĩnh B, xã Tứ K, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: New Zealand.

(Chị Thu, anh Hòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến H trình bày: Anh và chị Đặng Thị Minh Th kết hôn với nhau là tự nguyện, được UBND xã Tân Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải

Dương cũ nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/2004. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại thị trấn Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ). Cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung thường xảy ra bất hòa cãi nhau, không tôn trọng nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên tháng 5/2023 chị Thu đi xuất khẩu lao động tại New Zealand, thời gian đầu vợ chồng thỉnh thoảng có điện thoại cho nhau nhưng sau một năm anh chị không còn liên lạc với nhau nữa, anh chị không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh làm đơn khởi kiện xin ly hôn chị Thu.

Về con chung: Anh và chị Thu có hai con chung là Nguyễn Ngọc Thu P, sinh ngày 02/3/2005 và Nguyễn Tiến Nhật M, sinh ngày 30/01/2010. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Minh đang ở với anh, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Minh, anh tự nguyện không yêu cầu chị Thu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Minh Thu trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau vào năm 2004, việc kết hôn là tự nguyện được UBND xã Tân Kỳ đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Tháng 05/2023 chị Thu đi lao động tại New Zealand, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị không còn liên lạc với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh Hòa không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc anh Hòa làm đơn xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Hòa có hai con chung là Nguyễn Ngọc Thu P, sinh ngày 02/3/2005 và Nguyễn Tiến Nhật M, sinh ngày 30/01/2010. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Minh đang ở với anh Hòa, khi ly hôn chị đồng ý để anh Hòa nuôi cháu Minh và đồng ý sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Hòa.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Đặng Minh Xuân trình bày: Ông là bố đẻ của chị Thu, năm 2004 chị Thu và anh Hòa kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã Tứ Kỳ, cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị Thu muốn đi xuất khẩu lao động nhưng anh

Hòa không đồng ý dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không ai chịu ai. Đến tháng 05/2023 chị Thu đi xuất khẩu lao động tại New Zealand, do chị Thu đi lao động tự do nên không có địa chỉ cụ thể. Khi anh Hòa làm đơn xin ly hôn chị Thu, chị Thu đã có văn bản trình bày quan điểm của mình gửi cho Tòa án và văn bản ủy quyền cho ông giao và nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Nay anh Hòa có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Thu, ông Xuân đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hòa, chị Thu ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống và ông đồng ý nhận ủy quyền của chị Thu giao và nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Thu biết.

Tại phiên tòa: anh Hòa, chị Thu đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Tiến H, đề nghị xử cho anh Nguyễn Tiến H được ly hôn chị Đặng Thị Minh Th; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến Nhật M, sinh ngày 30/01/2010 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Hòa. Về án phí: Anh Hòa phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến H khởi kiện ly hôn chị Đặng Thị Minh Th; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn La Tỉnh B, xã Tứ K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: New Zealand; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết chị Thu không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và văn bản ủy quyền đến Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hải Phòng, các tài liệu của chị Thu chưa được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của chị Thu đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, chữ viết, chữ ký trong các tài liệu trên so với chữ viết, chữ ký tại bản sơ yếu lý lịch tự thuật của chị Thu (đã được UBND thị trấn

Tứ Kỳ cũ xác nhận) là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị Thu giao nộp là ý chí, nguyện vọng của chị. Anh Hòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do các đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Tiến H và chị Đặng Thị Minh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Kỳ, huyện Tứ kỳ cũ nay là xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng đăng ký vào ngày 30/01/2004. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Hòa và chị Thu là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của anh Hòa, chị Thu, ông Xuân, xác định trong quá trình sống chung, vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân và cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Thu không có mặt nhưng chị đã có văn bản thể hiện quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh Hòa. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh Hòa, chị Thu đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Hòa ly hôn chị Thu là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Hòa, chị Thu có hai con chung là Nguyễn Ngọc Thu P, sinh ngày 02/3/2005 và Nguyễn Tiến Nhật M, sinh ngày 30/01/2010. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Minh đang ở với anh Hòa, khi ly hôn anh Hòa đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Tiến Nhật M cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy từ trước đến nay cháu Minh vẫn đang sống cùng với anh Hòa rất ổn định; bản thân cháu có nguyện vọng muốn sống cùng với bố; chị Thu không có mặt ở Việt Nam và nhất trí để anh Hòa nuôi con. HĐXX căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận sự tự nguyện của các bên, cần giao con chung là cháu Minh cho anh Hòa nuôi dưỡng, chị Thu không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh Hòa và chị Thu đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Hòa khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến H và chị Đặng Thị Minh Th ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Tiến Nhật M, sinh ngày 30/01/2010 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hòa tự nguyện không yêu cầu chị Thu phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Đặng Thị Minh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002775 ngày 30/9/2025 tại Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng, nơi đăng ký kết hôn để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH số 04/ 30.01.2024.
- Phòng THADS Khu vực 11 - TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Cẩm Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Cẩm Vân

